

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI NHẤT AN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI NHẤT AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NHAT AN TRADE DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NHAT AN TRADE DEVELOPMENT CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109485867

3. Ngày thành lập: 07/01/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 9, Tòa Nhà Diamond Flower, Số 48 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913556358

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
2.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
3.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
4.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
5.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
6.	Xây dựng công trình điện	4221
7.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
8.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
9.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
10.	Xây dựng công trình thủy	4291
11.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
12.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
13.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
14.	Phá dỡ	4311
15.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
16.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
17.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
18.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
19.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
20.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

21.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
22.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đầu giá)	4512
23.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
24.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
25.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
26.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
27.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
28.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543
29.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đầu giá)	4610
30.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
31.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
32.	Bán buôn thực phẩm	4632
33.	Bán buôn đồ uống	4633
34.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
35.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
36.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
37.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
38.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
39.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
40.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
41.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
42.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng)	4662
43.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
44.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp - Bán buôn hóa chất công nghiệp - Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm	4669(Chính)
45.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
46.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

47.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
48.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
49.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
50.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
51.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
52.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
53.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
54.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
55.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
56.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
57.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
58.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
59.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
60.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
61.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
62.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
63.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ súng, đạn, tem, vàng, tiền kim khí)	4773
64.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
65.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
66.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
67.	Vận tải hành khách đường bộ khác - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
68.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
69.	Vận tải đường ống	4940

70.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải hành khách ven biển	5011
71.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển	5012
72.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
73.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
74.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
75.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
76.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
77.	Bốc xếp hàng hóa	5224
78.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
79.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)	5229
80.	Bưu chính (Trừ dịch vụ bưu chính quốc tế)	5310
81.	Chuyển phát (Trừ dịch vụ chuyển phát quốc tế)	5320
82.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
83.	Cơ sở lưu trú khác	5590
84.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
85.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
86.	Dịch vụ ăn uống khác (Trừ kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5629
87.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5630
88.	Xuất bản phần mềm (Trừ xuất bản phẩm)	5820
89.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ sản xuất phim truyền hình)	5911
90.	Hoạt động hậu kỳ	5912
91.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ hoạt động báo chí và phát hành chương trình truyền hình)	5913
92.	Lập trình máy vi tính	6201
93.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
94.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
95.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
96.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312

97.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
98.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát địa hình; - Khảo sát địa chất công trình. - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; - Thiết kế cơ - điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. - Giám sát thi công xây dựng; giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình; - Kiểm định xây dựng; - Định giá xây dựng - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình - Dịch vụ tư vấn đấu thầu - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy - Tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy; huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy - Dịch vụ thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, quan trắc công trình xây dựng	7110
99.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
100.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
101.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
102.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
103.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
104.	Quảng cáo	7310
105.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
106.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
107.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động của những nhà báo độc lập; thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; tư vấn chứng khoán)	7490
108.	Cho thuê xe có động cơ	7710
109.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

110.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
111.	Đại lý du lịch	7911
112.	Điều hành tua du lịch	7912
113.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
114.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
115.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
116.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
117.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
118.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
119.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
120.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN TRUNG HẢI	1502-Tg15, TNE1B (tòa nhà Bắc), Khu ĐTM, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.200.000.000	40,000	013631358	
2	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	P903-CT8 KĐT Định Công, , Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	450.000.000	15,000	025076000023	
3	NGUYỄN MINH HẢI	52A6 Ngách 72/82 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	450.000.000	15,000	001080021014	

4	PHẠM MINH QUÂN	506A TT Biển pha sông tổ 24, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	450.000.000	15,000	025078000654	
5	NGUYỄN TRUNG PHƯƠNG	24/317 Hoàng Hoa Thám, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	450.000.000	15,000	012012218	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM MINH QUÂN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *01/11/1978*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *025078000654*

Ngày cấp: *01/12/2020*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *506A TT Biển pha sông tổ 24, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *506A TT Biển pha sông tổ 24, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội